

TIẾP NHẬN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG SỰ TÍCH HỢP VỚI LỊCH SỬ

Nguyễn Thị Diễm Kiều

Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thiện Thành, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận bài: 25/08/2018; ngày sửa chữa: 27/08/2018; ngày duyệt đăng: 11/09/2018.

Abstract: Nowadays, integrated teaching is one of the important teaching approaches which has taken top priority in high school education. In Literature, the objectives of a lesson do not only cover the lesson knowledge but also requires students to apply that knowledge in other subjects and related fields. In this paper, the writer studies the acquirement of Vietnamese Medieval Literature under the integration with History. In other words, literature acquiring theory will be applied to study medieval literature works, the effect of historical background on the creation and languages of the works and the connection between the past and the present through historical background.

Keywords: Vietnamese medieval literature, intergratation, history.

1. Mở đầu

Giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay đã đặt ra cho giáo dục Việt Nam những trọng trách lớn. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới của thời đại, mỗi học sinh (HS) không chỉ hiểu biết sâu sắc về các kiến thức, kỹ năng đơn thuần mà phải biết tích hợp, có nghĩa là phải biết khai thác tối đa giá trị của những đơn vị kiến thức từ các ngành, lĩnh vực khác nhau để gắn kết chúng lại với nhau một cách trọn vẹn nhằm giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

Dạy học theo quan điểm tích hợp đã được nghiên cứu và vận dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới có nền giáo dục tiên tiến như Anh, Mĩ, Nhật, Hà Lan,... Tại Australia, chương trình tích hợp đã được áp dụng trong hệ thống giáo dục từ thập niên cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI với việc triển khai các mô hình dạy học tích hợp khác nhau phù hợp với sự phát triển của HS và đặc thù phát triển của đất nước, như mô hình tích hợp đa môn, mô hình dạy học dựa trên chuỗi vấn đề...

Ở Việt Nam, trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngành GD-ĐT đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết 29 của Hội nghị Trung ương VIII khóa XI về *Đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế* [1]; trong đó có nội dung đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích hợp cần được chú trọng. Dạy học tích hợp một mặt giúp HS học cách sử dụng phối hợp các kiến thức, kỹ năng từ các môn học hoặc lĩnh vực tri thức khác nhau, tạo thành một nội dung thống nhất dựa trên các mối liên hệ lí luận và thực tiễn được đề cập trong các lĩnh vực đó, nhằm mục đích hình thành, phát triển năng lực; mặt khác dạy học tích hợp giúp giáo viên (GV) trau dồi và liên kết kiến thức ở nhiều

lĩnh vực, bộ môn khác nhau để có một nguồn kiến thức sâu rộng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thời đại.

Tuy nhiên, trong thực tế, dạy học Ngữ văn nói chung, dạy học văn học trung đại (VHTĐ) Việt Nam nói riêng, phương pháp tích hợp vẫn chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến kiến thức HS thu nhận được trong quá trình học còn rời rạc, chưa có sự liên kết toàn vẹn. Từ đó, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức của HS vào thực tiễn cũng bị hạn chế.

Tiếp thu ý kiến của các nhà nghiên cứu kết hợp với thực tiễn dạy học VHTĐ Việt Nam ở trường trung học phổ thông (THPT), ở bài viết này, chúng tôi đi sâu nghiên cứu về tiếp nhận VHTĐ Việt Nam trong sự tích hợp với lịch sử, góp phần khắc phục những hạn chế cho HS khi học môn *Ngữ văn* và tiếp cận với những định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về dạy học tích hợp

Tích hợp có nguồn gốc từ tiếng Latinh là *Integration* với nghĩa là xác lập cái chung, cái toàn thể, cái thống nhất trên cơ sở những bộ phận riêng lẻ.

Theo *Từ điển Tiếng Anh-Anh* (Oxford Advanced Learner's Dictionary), từ *Integration* có nghĩa là kết hợp những phần, những bộ phận với nhau trong một tổng thể. Những phần, những bộ phận có thể khác nhau nhưng tích hợp với nhau.

Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê, 2012) định nghĩa: tích hợp là "lắp ráp, nối kết các thành phần của một hệ thống theo quan điểm tạo nên một hệ thống toàn bộ" [2].

Khái niệm "tích hợp" đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khoa học và kĩ thuật, trong đó có giáo dục. Theo từ điển *Giáo dục học* (2001), tích hợp là "hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học

tập của cùng một lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học”[3].

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu, tích hợp chỉ sự kết hợp những phần, những bộ phận từ những đối tượng khác nhau dựa trên những nét bản chất nhất của các thành phần đối tượng, để đưa tới một chỉnh thể toàn vẹn.

Có nhiều quan điểm khác nhau về dạy học tích hợp. Theo Xaviers Roegiers, có 4 cách thức tích hợp:

+ *Tích hợp trong nội bộ môn học (Intradisciplinary)* là sự kết nối kiến thức, kỹ năng giữa các chủ đề/bài/ đơn vị kiến thức trong một môn học.

+ *Tích hợp liên môn (Interdisciplinary)* là cách thức phối hợp nhiều môn học để nghiên cứu và giải quyết một tình huống, tạo ra những kết nối giữa nhiều môn học.

+ *Tích hợp đa môn (Multidisciplinary)* là cách thức dạy học theo các môn học riêng rẽ nhưng các môn học đều có một chủ đề chung.

+ *Tích hợp xuyên môn (Transdisciplinary)* là cách thức tích hợp hướng vào phát triển những năng lực của HS qua nhiều môn học, nội dung dạy học như sợi chỉ đỏ xuyên suốt các môn học, được nối tiếp từ môn học này đến môn học khác [4].

Từ những năm 2000, quan điểm và phương pháp dạy học tích hợp đã được áp dụng trong nhà trường. *Chương trình môn Ngữ văn THPT (2006)* đã khẳng định “lấy quan điểm tích hợp làm nguyên tắc chỉ đạo tổ chức nội dung chương trình, biên soạn sách giáo khoa (SGK) và lựa chọn các phương pháp giảng dạy” [5]. Với đặc trưng của mình, môn *Ngữ văn* cho phép thực hiện dạy học tích hợp như một yêu cầu tự thân để phát huy khả năng phối hợp giữa các nội dung học tập nhằm thực hiện mục tiêu học tập một cách có hiệu quả hơn, đồng thời tránh được sự chồng chéo, quá tải, trùng lặp hoặc tách biệt giữa các thành phần của nội dung bài học. Các bài học tích hợp được xác định dựa vào nội dung giao nhau của các môn học hiện hành và những vấn đề cần giáo dục mang tính quốc tế, quốc gia và có ý nghĩa đối với cuộc sống hiện tại; đồng thời, các bài học tích hợp không chỉ được thực hiện giữa các môn học, giữa các nội dung có những điểm tương đồng mà còn được thực hiện giữa các môn, giữa những nội dung khác nhau nhưng có vai trò hỗ trợ cho nhau. *Dự thảo chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018)* [6] đã xác định: “Nội dung chương trình môn *Ngữ văn* liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Đạo đức, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm” và quan điểm xây dựng chương trình cũng đề cập đến dạy học tích hợp: “Sự phát triển tư tưởng dạy học tích hợp trong chương trình *Ngữ văn* mới thể hiện ở sự thống nhất của trực tích hợp; ở yêu cầu tích hợp

triệt để và nhất quán đến mức cao nhất có thể giữa ngôn ngữ và văn học, giữa các kiểu loại văn bản và giữa các hoạt động giao tiếp đọc, viết, nói và nghe trong từng bài học hoặc từng chương, phần, cụm bài. Ngoài ra, chương trình *Ngữ văn* còn chú ý thực hiện quan điểm tích hợp các nội dung liên môn và xuyên môn một cách hợp lý”. Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GD-ĐT về xây dựng chủ đề dạy học trong các môn học và các chủ đề tích hợp liên môn [7] đã khẳng định vai trò quan trọng của quan điểm và phương pháp tích hợp trong giai đoạn giáo dục hiện nay.

2.2. Tích hợp lịch sử trong văn học trung đại Việt Nam

VHTĐ Việt Nam có vị trí quan trọng, chẳng những có tính chất mở đầu cho văn học viết Việt Nam mà còn đóng vai trò to lớn trong việc hình thành, kết tinh những truyền thống quý báu của nền văn học dân tộc. Một trong những đặc điểm nổi bật của VHTĐ Việt Nam là gắn bó với vận mệnh đất nước và số phận con người Việt Nam. Từng bước đi của lịch sử của dân tộc, từng niềm vui, nỗi buồn đau của đất nước, giọt nước mắt hay nụ cười của những số phận con người... đều được các tác giả VHTĐ quan tâm phản ánh. Vì thế, việc vận dụng phương pháp tích hợp trong tiếp nhận VHTĐ Việt Nam là điều cần thiết.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung nghiên cứu VHTĐ Việt Nam trong sự tích hợp với lịch sử ở ba nội dung cơ bản sau:

2.2.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội đối với việc ra đời của tác phẩm văn học

Văn học tuy thuộc lĩnh vực của tình cảm thẩm mỹ nhưng vẫn là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội. Hay nói khác đi, “bất kỳ nền văn nghệ nào cũng hình thành trên một cơ sở hiện thực nhất định. Bất kỳ một tác phẩm nào cũng là sự khúc xạ từ những vấn đề trong cuộc sống” [8].

Đối với việc dạy học các tác phẩm VHTĐ, bối cảnh lịch sử xã hội đóng vai trò rất quan trọng. Đó là những nguồn ngữ liệu lịch sử, giúp cho HS hiểu tác phẩm ở nhiều phương diện. Nguồn ngữ liệu lịch sử phục vụ cho bài học được hình thành do HS tự học, tự tìm hiểu, huy động nguồn kiến thức lịch sử có liên quan đến đơn vị bài học. Từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu tác phẩm có hiệu quả hơn. HS sẽ mở rộng tiếp thu các thông tin có liên quan bên ngoài tác phẩm. Tuy nhiên, khi sử dụng ngữ liệu lịch sử phải đảm bảo đó là những đơn vị tri thức mới mà HS chưa biết. Những tri thức đó đều hướng đến mục tiêu của bài học.

Ví dụ: Trong tiến trình phát triển của lịch sử, nhiều dân tộc có những văn kiện có tính chất tuyên ngôn về độc lập, chủ quyền được công bố rộng rãi trong một hoàn cảnh nhất định. Tầm vóc, sức hấp dẫn và lôi cuốn của

một bản tuyên ngôn phụ thuộc vào hai điều kiện chính: truyền thống văn hóa, văn hiến kết tinh trong mỗi chiến công; tài năng của con người. Lịch sử dân tộc Việt Nam với hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước đã chứng kiến sự ra đời của nhiều bản tuyên ngôn độc lập. Những bản tuyên ngôn độc lập trong lịch sử đều khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự chủ của dân tộc vừa mang giá trị lịch sử, vừa mang giá trị văn chương. Khi sử dụng ngữ liệu lịch sử vào dạy học các văn bản mang tính chất tuyên ngôn đó, GV có thể sử dụng ngữ liệu lịch sử là lời dẫn, giới thiệu, dẫn dắt vào bài học một cách sinh động, hoặc có thể sử dụng hệ thống câu hỏi ngắn, dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.

Hoàn cảnh ra đời của *Đại cáo bình Ngô* trong SGK **Ngữ văn 10** (tập 2, tr 16) viết rất ngắn gọn: “Sau khi quân ta đại thắng, tiêu diệt và làm tan rã 15 vạn viện binh của giặc, Vương Thông buộc phải giảng hòa, chấp nhận rút quân về nước, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết *Đại cáo bình Ngô*”. Nếu chỉ căn cứ vào nội dung phần *Tiểu dẫn* trong SGK thì HS chỉ biết được kết quả của cuộc kháng chiến chống giặc Minh của nghĩa quân Lam Sơn mà không biết được vì sao quân ta đại thắng giặc Minh và đại thắng giặc Minh như thế nào, cũng có nghĩa là HS sẽ chưa hiểu được các sự kiện lịch sử dẫn đến sự ra đời của bài cáo. Do đó, GV có thể giao nhiệm vụ ở nhà cho HS như tìm hiểu về bối cảnh lịch sử có liên quan đến sự ra đời của tác phẩm. Khi đó, HS sẽ tìm hiểu về hoàn cảnh ra đời của *Đại cáo bình Ngô* từ những sự kiện lịch sử liên quan ngoài SGK. Đó có thể là tư liệu: Năm 1427, quân khởi nghĩa Lam Sơn đánh tan 2 đạo viện binh của quân Minh do Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy. Lê Lợi sai người mang viên tướng bị bắt sống Hoàng Phúc, hồ phù, dấu ấn ngân của quan Chinh Lô Phó Tướng Quân về thành Đông Quan cho Vương Thông biết. Vương Thông đang cố thủ trong thành Đông Quan biết viện binh đã bị thua, hoảng sợ viết thư xin hòa. Lê Lợi chấp thuận, sai sứ mang tờ biểu và vật phẩm sang nhà Minh, vua Minh sai quan Lê Bộ Thị Lang là Lý Kỳ đưa chiếu sang phong cho Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương, bỏ tòa Bộ Chính và triệt quân về Tàu. Ngày 12 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428), Lê Lợi làm lễ tổng tiến Vương Thông tại dinh Bồ Đề (Gia Lâm, Hà Nội). Chọn ngày này để tổng tiến Vương Thông, phải chăng Lê Thái Tổ có dụng ý sâu xa: ngày 12 tháng Chạp năm Bính Tuất (đầu năm 1407) là ngày giặc Minh vượt sông Hồng chiếm thành Đông Quan, đặt ách thống trị lên nhân dân Đại Việt, thì cũng đúng ngày này của hai mươi một năm sau, giặc Minh lại qua sông Hồng, kéo quân về nước. Cũng là ngày 12 tháng Chạp, nhưng một ngày là mang nỗi nhục mất nước, còn một ngày là rửa nhục cho dân tộc. Vương Thông theo lời ước với Bình Định Vương Lê Lợi, đem

bộ binh qua sông Nhị Hà, còn thủy quân theo sau. Vì quân Minh tàn bạo, có người khuyên Lê Lợi đem quân mà giết hết đi, Lê Lợi không chấp thuận, lại còn cấp lương thảo và vật dụng cho quân Minh trở về. Trong niềm vui lớn đất nước sạch bóng quân thù, Lê Lợi sai Nguyễn Trãi soạn thảo *Đại cáo bình Ngô*. Chỉ sau năm ngày tổng tiến Vương Thông, ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi, bản “thiên cổ hùng văn” *Đại cáo bình Ngô* đã được công bố trước nhân dân Đại Việt. Nguyễn Trãi đã thay lời Lê Lợi tuyên cáo với muôn dân về việc kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, giành lại độc lập cho nước Đại Việt, một kỉ nguyên mới đã mở ra cho dân tộc [9]. Như vậy, việc tìm hiểu về bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của tác phẩm sẽ giúp HS hiểu rõ hơn hoàn cảnh ra đời, hiểu sâu hơn nội dung tác phẩm.

2.2.2. Bối cảnh lịch sử, xã hội chi phối yếu tố ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật được sử dụng trong tác phẩm

Theo GS.TS Trần Đình Sử, “văn học là tấm gương phản ánh hiện thực” [10]. Từ tác phẩm văn học, qua các yếu tố ngôn ngữ các biện pháp nghệ thuật trong tác phẩm, người đọc có thể thấy được các giá trị tư tưởng, văn hóa, xã hội, lịch sử của đất nước, dân tộc mà tác phẩm ấy gọi ra. Đồng thời, tác phẩm văn học viết là những sáng tạo của cá nhân nên lồng vào giá trị phản ánh hiện thực và thời đại đó là nguồn cảm hứng sáng tác, tình cảm, khát vọng... chủ quan của con người. Đối với VHTĐ Việt Nam, các tác giả thường dùng văn đề tài đạo, thơ đề nói chí thì cái đạo và cái chí ấy cũng đều là phản ánh đời sống xã hội.

Trong dạy học VHTĐ, GV xây dựng những tình huống có vấn đề, kích thích tư duy, lôi cuốn HS, tạo điều kiện để HS nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, xây dựng kiến thức. Để xây dựng tình huống có vấn đề, GV có thể đặt những câu hỏi nêu vấn đề buộc HS phải suy nghĩ, giải quyết vấn đề đặt ra, chủ động tìm kiếm tri thức cho bản thân.

Ví dụ: Hình tượng *sông Bạch Đằng* là nguồn cảm hứng lớn của các tác giả văn học Việt Nam. Sông Bạch Đằng ghi dấu nhiều chiến thắng oanh liệt trong lịch sử giữ nước và trở thành biểu tượng cho chiến công của dân tộc. Tác phẩm *Phú sông Bạch Đằng* (Bạch Đằng giang phú) của Trương Hán Siêu đã tái hiện lại cảnh “Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã”: “Thuyền bè muôn đội/ Tinh kì pháp phối/ Hùng hổ sáu quân/ Giáo gươm sáng chói...”. Ở đơn vị kiến thức này, GV có thể đặt câu hỏi nêu vấn đề như: *Chiến tích trên sông Bạch Đằng đã được gọi lên như thế nào qua lời kể của các bộ lão?* Để làm rõ chiến tích trên sông Bạch Đằng, HS phải liên hệ đến sự kiện lịch sử: Năm 1288, quân Đại Việt do Trần Hưng Đạo lãnh đạo giao chiến với quân Nguyên trên sông Bạch Đằng. Trước đó, Trần Hưng Đạo đã cho đóng cọc và phủ cỏ lên trên rồi cho quân khiêu chiến rồi giả vờ bỏ chạy. Quân Nguyên đuổi theo, quân Đại Việt cố sức đánh

lại. Nước triều rút xuống, thuyền quân Nguyên vươngung cộc và nghiêng đắm gần hết. Trận này quân Nguyên đại bại. Quân ta bắt được tướng Nguyên là Ô Mã Nhi Tích Lệ Cơ Ngọc và 400 chiến thuyền [9]...

Hay, GV có thể đặt câu hỏi nêu vấn đề mang tính lựa chọn để HS bày tỏ quan điểm cá nhân, nhận rõ vai trò của con người trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Chẳng hạn như: *Qua lời bình luận của các bộ lão (đoạn “Tuy nhiên: Từ có vũ trụ... Nhớ người xưa chừ lệ chan”), trong các yếu tố: địa thế sông núi, con người, theo anh (chị) yếu tố nào giữ vai trò quan trọng nhất làm nên chiến thắng trên sông Bạch Đằng?* Câu hỏi trên đòi hỏi HS liên hệ đến kiến thức xã hội, văn hóa để giải quyết vấn đề. Nếu có thể, GV sử dụng các đoạn phim ảnh, băng hình những trận chiến trên sông Bạch Đằng để mở rộng tầm nhận thức của HS, nâng cao tính trực quan trong giờ Ngữ văn. Như vậy, có thể nói hình tượng sông Bạch Đằng trong *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu đem đến cho học sinh hiểu biết thêm về dòng sông lịch sử. Nhưng sự hiểu biết mà tác phẩm này mang lại cho HS không phải là kiến thức về địa lí mà là lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc trước những chiến công trên sông Bạch Đằng, ca ngợi truyền thống anh hùng bất khuất, đạo lí nhân nghĩa của dân tộc. Tác phẩm cũng chứa đựng những tư tưởng nhân văn cao đẹp qua việc đề cao vai trò, vị trí của con người trong lịch sử.

Tóm lại, VHTĐ Việt Nam luôn bám sát lịch sử dân tộc, phản ánh những sự kiện trọng đại liên quan đến vận mệnh đất nước và phản ánh số phận con người Việt Nam. Theo quan điểm tiếp cận đồng bộ, việc đọc hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường đòi hỏi phải làm sáng tỏ những yếu tố trong văn bản (cốt truyện, nhân vật, hình tượng, ngôn ngữ nghệ thuật...) và cả những yếu tố ngoài văn bản (bối cảnh lịch sử - xã hội, hoàn cảnh sáng tác,...). Khi tiếp nhận tác phẩm VHTĐ, HS cần tích hợp với kiến thức lịch sử - xã hội thích hợp để dựng lại bối cảnh lịch sử, thời đại của tác phẩm, thu hẹp những khoảng cách thẩm mỹ giữa quá khứ với hiện tại, kết nối tác phẩm văn học với thực tại đời sống, tạo hứng thú học tập, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho HS.

2.2.3. Bối cảnh lịch sử, xã hội - “câu nói” từ quá khứ đến hiện tại

Những tác phẩm VHTĐ Việt Nam giảng dạy trong trường THPT được tinh tuyển từ những viên ngọc quý nhất, sáng nhất trong lịch sử văn học dân tộc. Khi tiếp nhận VHTĐ Việt Nam, bên cạnh các yếu tố bối cảnh lịch sử, xã hội, thời đại tác động đến sự ra đời của tác phẩm, yếu tố ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật trong văn bản, HS cần có dẫn chứng từ sự tích hợp các văn bản có nội dung liên quan. Thông qua dẫn chứng từ sự tích hợp đó, những tác phẩm VHTĐ sẽ trở nên gần gũi với hiện thực cuộc sống,

đưa văn bản văn chương từ những kí hiệu khó hiểu, xa lạ, trở nên thú vị, hấp dẫn và sâu sắc về nhiều mặt.

Ví dụ: Về hình tượng người nông dân áo vải trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu có thể tích hợp trong môn với các tác phẩm viết về hình tượng người nông dân áo vải và tích hợp kiến thức đời sống - cuộc sống, lòng yêu nước của người Nam Bộ trong kháng chiến chống ngoại xâm. GV có thể nêu câu hỏi: *Trong văn học, có những tác phẩm nào đã viết về người nông dân áo vải? Anh/ chị hãy so sánh hình tượng người nông dân áo vải trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với hình tượng người nông dân áo vải trong các tác phẩm có liên quan.* HS chia sẻ với các bạn tư liệu đã sưu tầm viết về người nông dân áo vải như hình tượng người dân “manh” (dân cày lưu tán), người dân “lệ” (người tôi tớ, đi ở) đã được nhắc đến trong *Đại cáo bình Ngô*: “Yết can vì kì, manh lệ chi đồ tứ tập” (Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới), hoặc hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ “Mà nay áo vải cờ đào/Giúp dân xây dựng biết bao công trình” (*Ai tư văn*). Từ *Đại cáo Bình Ngô* đến *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* với khoảng thời gian trên 400 năm mới lại xuất hiện người nông dân nghĩa sĩ trong văn học. Điều khác nhau là ở chỗ *Đại cáo bình Ngô* khẳng định vị trí người anh hùng áo vải còn *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* dựng tượng đài hoàn chỉnh về những người nông dân nghĩa sĩ. Từ hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, HS mở rộng liên hệ với hình tượng người nông dân áo vải của thời đại mới trong bài thơ *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi): “Ôm đất nước những người áo vải/ Đã đứng lên thành những anh hùng/ Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội/ Mỗi bước đường mỗi bước hi sinh”.

Về sự hi sinh cao quý của người nông dân nghĩa sĩ, để HS nói lên cảm nhận về tinh thần xả thân, khí phách hiên ngang của người nông dân Nam bộ buổi đầu chống Pháp, nhằm phát triển năng lực đọc, viết, nói, nghe, năng lực tư duy hình tượng, cảm xúc thẩm mỹ của HS, GV có thể nêu vấn đề: *Vì sao nói “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là khúc ca những người thất thế nhưng vẫn hiên ngang” (Phạm Văn Đông)? Bài văn tế gọi cho em cảm xúc gì về những người nông dân áo vải?* Tích hợp trong môn (những tác phẩm viết về sự hi sinh của những người nông dân áo vải) “*Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi/ Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha/ Ôi Đất Nước, sau bốn ngàn năm đi đâu ta cũng thấy/ Những cuộc đời đã hóa núi sông ta*” (Nguyễn Khoa Điềm). Tích hợp văn học với đời sống bằng cách học thông qua trải nghiệm, GV có thể tổ chức các buổi ngoại khóa, tham quan bảo tàng, khu di tích.

Tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu là “khúc ca của những người thất thế nhưng

văn hiến ngang” (Phạm Văn Đồng), là “tượng đài nghệ thuật” bị trắng, bắt hủ về những nghĩa sĩ nông dân Nam Bộ đã anh dũng ngã xuống trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc ở nửa cuối thế kỉ XIX. Từ quá khứ hào hùng đó, GV phải sử dụng thêm nhiều tư liệu lịch sử khác để đưa tác phẩm gắn bó hơn nữa với hiện tại, tiếp thêm cho tác phẩm những ý nghĩa mới trong lòng người đọc hôm nay. Đó có thể là tư liệu về ngôi chùa Tôn Thạnh: từ một địa danh trong câu “*Chùa Tôn Thạnh năm canh ưng đóng lạnh*” đến ngôi chùa Tôn Thạnh ở ấp Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; trong chùa còn tấm bia đá khắc những dòng chữ từ năm 1973: “*Dưới mái chùa Tôn Thạnh này từ năm Kỷ Ngọ 1859 đến năm Nhâm Tuất 1862, đại chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) bề ngoài mở lớp dạy học, bên trong lãnh đạo nghĩa binh chống Pháp, và cũng nơi đây cụ đã sáng tác thơ Lục Vân Tiên*”. Đó cũng có thể là sự kiện ngày 13/04/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã long trọng tổ chức Lễ khánh thành Khu tưởng niệm nghĩa sĩ Cần Giuộc tại thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An [11].

Song song với hoạt động trải nghiệm, HS thu thập các hình ảnh để làm tư liệu cho bài học như ảnh sông Cần Giuộc, bảo tàng tỉnh Long An - nơi lưu giữ tư liệu về cuộc khởi nghĩa nông dân Cần Giuộc, chùa Tôn Thạnh, chợ Trường Bình... Hoạt động trải nghiệm và sưu tầm tư liệu học tập phù hợp với nội dung bài học, một mặt giúp GV đa dạng hóa các phương pháp dạy học, mặt khác giúp HS tự khám phá để xây dựng tri thức, tiếp thu bài nhanh hơn, để lại trong tâm trí HS dấu ấn sâu sắc về bài học.

Văn học với tư cách là một hình thái ý thức, giúp cho con người nhận thức về thế giới bên ngoài và về chính bản thân mình. Đó cũng là con đường để HS tự hoàn thiện bản thân. Tích hợp không chỉ là phương tiện, công cụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học Ngữ văn mà còn là con đường để hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất người học. Bối cảnh lịch sử trong VHTĐ Việt Nam không chỉ là bối cảnh thời đại tác phẩm ra đời mà bối cảnh ấy vẫn hiện diện trong cuộc sống hiện đại này. Vì thế, tiếp nhận VHTĐ Việt Nam trong sự tích hợp với lịch sử vừa mang tính khoa học vừa mang tính hiện đại, hướng HS tìm tòi, nghiên cứu những giá trị kết tinh của văn học dân tộc, ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn những di sản, ý thức độc lập dân tộc, niềm tự hào dân tộc, lòng căm thù giặc, ý chí chiến đấu chống ngoại xâm khi chủ quyền độc lập bị xâm phạm, là truyền thống “lấy đại nghĩa để thắng hung tàn” của người Việt Nam...

3. Kết luận

Dạy học tích hợp có một vị trí quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông. Tiếp nhận VHTĐ Việt Nam trong sự tích hợp với lịch

sử giúp HS được tiếp cận với những tác phẩm VHTĐ không chỉ qua các tác phẩm văn học trong sách giáo khoa mà còn qua những trang sử, những kết tinh của văn hóa truyền thống, góp phần hình thành, phát triển năng lực cùng những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm của HS, để mỗi bài học trở thành “cầu nối” từ kiến thức đến thực tiễn.

(* *Xin cảm ơn nhóm nghiên cứu khoa học Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thiện Thành đã hỗ trợ cho chúng tôi hoàn thành bài viết này.*

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2] Hoàng Phê (2012). *Từ điển tiếng Việt.* NXB Từ điển Bách khoa.
- [3] Bùi Hiền (2001). *Từ điển Giáo dục học.* NXB Từ điển Bách khoa.
- [4] Xavier Roegiers (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (người dịch: Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhi). NXB Giáo dục.
- [5] Đỗ Ngọc Thống (2006). *Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông.* NXB Giáo dục.
- [6] *Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (2018).
- [7] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.*
- [8] Phương Lưu (chủ biên, 2014). *Lí luận Văn học (tập 1): Văn học, nhà văn, bạn đọc.* NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Ngô Đức Thọ - Hoàng Văn Lâu dịch (2017). *Đại Việt sử kí toàn thư.* NXB Văn học.
- [10] Trần Đình Sử (2005). *Trần Đình Sử tuyển tập* (tập 1). NXB Giáo dục.
- [11] Nguyễn Thị Diễm Kiều (2015). *Sử dụng tư liệu dạy học trong đổi mới phương pháp dạy học văn học trung đại.* Tạp chí Dạy và Học ngày nay, tháng 5/2015, tr 44-45,48.
- [12] Lã Nhâm Thìn (chủ biên, 2015). *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam* (2 tập). NXB Giáo dục Việt Nam.